

Mã hóa là gì?

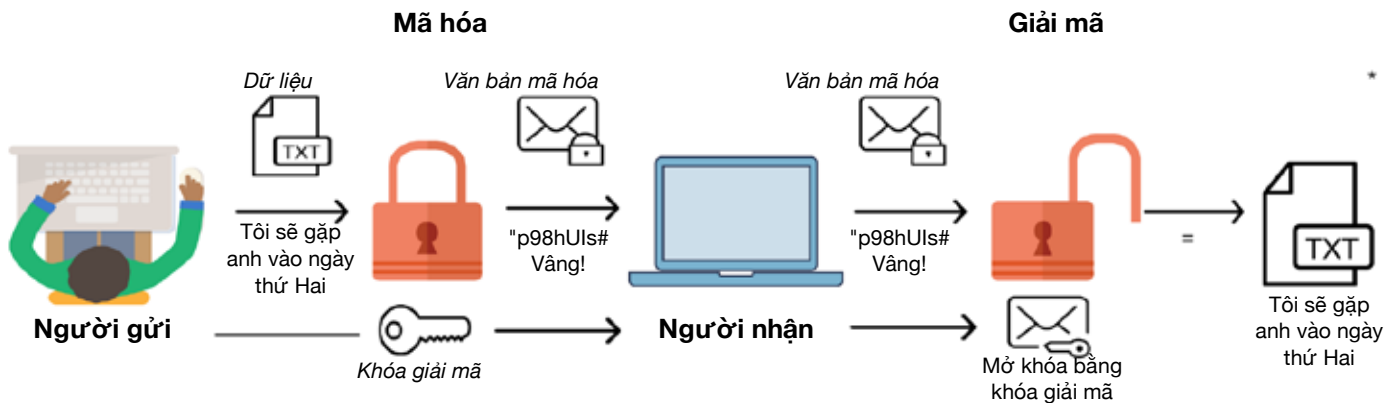
Và cách thức tội phạm xâm hại tình dục trẻ em sử dụng mã hóa

Mã hóa hoạt động như thế nào?

Mã hóa là phương thức ngụy trang hoặc che giấu một tin nhắn bằng cách áp dụng một số bước lập trình máy tính [phần mềm mã hóa] để nếu tin nhắn đó 'đi nhầm địa chỉ' thì người xem hoặc đọc tin nhắn sẽ không thể hiểu được nội dung. Ví dụ: tin nhắn có nội dung như "Tôi sẽ gặp anh vào ngày thứ Hai" được chuyển thành tin nhắn mã hóa như "p98hUls#yeb!"

Tin nhắn khó hiểu này - một văn bản mã hóa - sau đó được gửi qua internet tới người nhận. Người nhận tin nhắn này phải có 'khóa giải mã' mà người khác không biết và khóa này được người gửi cung cấp cho người nhận để mở khóa hoặc khôi phục lại tin nhắn ban đầu. Quá trình này được gọi là giải mã. Nếu không có khóa, tin nhắn sẽ không thể đọc được hoặc hình ảnh sẽ không thể xem được.

Quá trình mã hóa/giải mã như sau*:



* Xin lưu ý, đây là chỉ là một ví dụ và có nhiều cách để mã hóa và giải mã dữ liệu

Tội phạm xâm hại tình dục trẻ em sử dụng mã hóa

Tội phạm xâm hại tình dục trẻ em liên lạc với nhau trực tuyến bằng cách sử dụng nhiều công cụ để che giấu danh tính và hành vi của họ trước các cơ quan chức năng.

Ví dụ: tội phạm mã hóa tài liệu xâm hại tình dục trẻ em để những cá nhân hoặc tổ chức không được ủy quyền không thể nhận ra loại tài liệu này khi có được chúng. Hoặc họ có thể mã hóa máy tính hoặc đĩa để ngăn các nhà chức trách truy cập hoặc nhận ra các bằng chứng buộc tội trong khi họ bị khám nhà.

Ngoài ra, mã hóa cho phép tội phạm xác minh danh tính của người mà họ liên lạc trực tuyến.

Máy tính mạnh có thể phá một số chương trình mã hóa yếu nhưng trên thực tế, thông thường, nhiều chương trình mã hóa mạnh lưu hành rộng rãi không thể bị bẻ khóa nếu không có khóa giải mã.

Mã hóa làm gia tăng sự phức tạp trong các cuộc điều tra của cơ quan thực thi pháp luật.

DỮ KIẾN THỰC TẾ

Mã hóa được ứng dụng cho dữ liệu được gửi từ các thiết bị qua nhiều mạng

Mã hóa che giấu dữ liệu được lưu trữ hoặc truyền tải

Mã hóa được sử dụng để bảo mật:

Dữ liệu (ví dụ: tệp tin, ảnh, máy tính), giao dịch qua Internet (ví dụ: chuyển khoản), mật khẩu, mạng và email